

**ĐỒ ÁN ...**

**Website bán hàng công nghệ**

|  |  |
| --- | --- |
| **<Tên lớp> - <Tên nhóm>** | |
| **Thành viên** | Phan Thiên (Nhóm trưởng) |
| **Giảng viên** | NNL |

Hà Nội, 08/2023 **Mục lục**

[1. Mở đầu 3](#_Toc141729541)

[2. Giới thiệu 4](#_Toc141729542)

[2.1. Đưa ra vấn đề 4](#_Toc141729543)

[2.2. Hệ thống hiện tại 4](#_Toc141729544)

[2.3. Hệ thống đề nghị 4](#_Toc141729545)

[2.4. Công nghệ 4](#_Toc141729546)

[3. Phân tích yêu cầu người dùng 5](#_Toc141729547)

[3.1. Yêu cầu phi chức năng 5](#_Toc141729548)

[3.2. Yêu cầu chức năng 5](#_Toc141729549)

[3.2.1. Nhóm người dùng của hệ thống 5](#_Toc141729550)

[3.2.2. Phân tích chức năng 6](#_Toc141729551)

[4. Thiết kế hệ thống 24](#_Toc141729552)

[4.1 Sơ đồ quan hệ thực thể 24](#_Toc141729553)

[4.2 Sơ đồ cơ sở dữ liệu 25](#_Toc141729554)

[Các bảng 25](#_Toc141729555)

[Sơ đồ cơ sở dữ liệu giữa các bảng 28](#_Toc141729556)

[4.3 Sơ đồ trang web 29](#_Toc141729557)

[5. Kết luận 30](#_Toc141729558)

[6. Phân công công việc 31](#_Toc141729559)

# Mở đầu

<Giới thiệu chung cũng như đưa ra lời cảm ơn>

# Giới thiệu

## Đưa ra vấn đề

Dự án tạo ra một trang web giúp tối ưu việc quản lý và có thể tiếp cận thêm nhiều khách hàng mới từ mọi nơi

## Hệ thống hiện tại

Vận hành thủ công, quản lý thủ công trên giấy tờ.

## Hệ thống đề nghị

tiện lợi, tối đa hóa hiệu suất, tiếp cận khách hàng nhiều hơn

## Công nghệ

1. PHP
2. HTML
3. CSS
4. JavaScript
5. Jquery

# Phân tích yêu cầu người dùng

## Yêu cầu phi chức năng

dễ hiểu, giao diện bắt mắt, dùng được trên nhiều thiết bị, trình duyệt…

## Yêu cầu chức năng

### Nhóm người dùng của hệ thống

* **Khách hàng chưa có tài khoản:**
  + Đăng ký
  + Xem tất cả sản phẩm
  + Tìm kiếm
* **Khách hàng có tài khoản:**
  + Đăng nhập
  + Xem tất cả sản phẩm
  + Tìm kiếm
  + Đặt hàng
  + Xem, hủy đơn hàng đã đặt
  + Đăng xuất
* **Admin:**
  + Đăng nhập
  + Quản lý sản phẩm (xem, thêm, sửa, xóa)
  + Quản lý đơn hàng (xem, sửa)
  + Đăng xuất
* **Super Admin:**
  + Các chức năng như Admin
  + Quản lý thương hiệu (xem, thêm, sửa, xóa)
  + Quản lý thể loại (xem, thêm, sửa, xóa)

### Phân tích chức năng

* **Đăng ký**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng chưa có tài khoản |
| ***Mô tả*** | Đăng ký |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đăng ký” trên thanh menu |
| ***Đầu vào*** | * Email * Họ và tên * Mật khẩu * Số điện thoại * Địa chỉ |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form đăng ký 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống: 3. Trống: chuyển hướng về trang đăng ký và thông báo lỗi 4. Kiểm tra tên Email có khớp với 1 tài khoản nào không    1. Đúng:       1. Chuyển hướng về trang đăng kí và thông báo lỗi    2. Sai:       1. Thêm người dùng mới vào CSDL       2. Tạo phiên đăng nhập, lưu tên, mã tài khoản vào phiên |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiển thị trang chủ và thông báo thành công * Sai: Hiển thị trang đăng ký và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** | * Kiểm tra ô nhập không được để trống bằng JavaScript |

* **Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin, Admin, Khách hàng |
| ***Mô tả*** | Đăng nhập |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đăng nhập” trên thanh menu |
| ***Đầu vào*** | * Email * Mật khẩu |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form đăng nhập 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống: 3. Trống: chuyển hướng về trang đăng nhập và thông báo lỗi 4. Kiểm tra tên Email và mật khẩu có khớp với 1 tài khoản nào không    1. Đúng:       1. Tạo phiên đăng nhập, lưu tên, mã tài khoản vào phiên    2. Sai: chuyển hướng về trang đăng nhập và thông báo lỗi 5. Kiểm tra xem người dùng có tích vào ô lưu mật khẩu hay không (chỉ khách hàng)    1. Có: Tạo token lưu vào CSDL để người dùng đăng nhập những lần sau |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Hiển thị trang người dùng và thông báo thành công * Sai: Hiển thị trang đăng nhập và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** | * Kiểm tra ô nhập không được để trống bằng JavaScript * Trang đăng nhập của Super Admin và Admin khác với trang của khách hàng |

* **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thêm vào giỏ hàng” cạnh sản phẩm |
| ***Đầu vào*** | * Mã sản phẩm |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên xử lý 2. Kiểm tra mã sản phẩm truyền lên    1. Trống: điều hướng quay lại và báo lỗi 3. Kiểm tra trong phiên giỏ hàng đã tồn tại mã sản phẩm này chưa    1. Không:       1. Kết nối CSDL       2. Lấy thông tin sản phẩm theo mã       3. Truyền thông tin sản phẩm vào phiên giỏ hàng theo mã sản phẩm (tên, ảnh, giá, số lượng để mặc định là 1)    2. Có: tăng số lượng lên 1 trong phiên giỏ hàng theo mã sản phẩm |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng quay lại và thông báo thành công * Sai: Điều hướng quay lại và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Xử lý đặt hàng sau khi đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đặt hàng” |
| ***Đầu vào*** | * Tên người nhận * Số điện thoại người nhận * Địa chỉ người nhận |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên 2. Mở kết nối CSDL 3. Lấy thông tin giỏ hàng từ phiên 4. Tính tổng tiền tất cả sản phẩm trong giỏ 5. Lấy mã người dùng từ phiên đăng nhập 6. Thêm hoá đơn (mã người dùng, tên người nhận, sđt người nhận, địa chỉ người nhận, trạng thái - mặc định là 0, tổng tiền) 7. Lấy mã đơn vừa thêm 8. Chạy vòng lặp từng sản phẩm trong giỏ để thêm vào hoá đơn chi tiết (mã hoá đơn, mã sản phẩm, số lượng đã đặt) 9. Xoá giỏ hàng khỏi phiên |
| ***Đầu ra*** | Điều hướng quay lại và thông báo thành công |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Xem đơn đã đặt**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Xem đơn đã đặt |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đơn đã đặt” trên thanh menu |
| ***Đầu vào*** |  |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên 2. Mở kết nối CSDL 3. Kiểm tra từ CSDL xem có đơn hàng nào có mã khách hàng trùng với mã khách hàng ở phiên không    1. Không có đơn hàng nào:       1. Chuyển hướng về trang chủ và thông báo không tồn tại đơn hàng nào 4. Lấy thông tin tất cả các đơn hàng từ CSDL có mã khách hàng trùng với mã khách hàng ở phiên |
| ***Đầu ra*** | Bảng hiện thị các đơn hàng đã đặt gồm (thông tin người đặt, thông tin người nhận, thời gian đặt, trạng thái đơn hàng, tổng tiền) và hiển thị nút hủy cạnh mỗi đơn nếu đơn đó đang ở trạng thái chờ duyệt hoặc đã duyệt |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Hủy đơn đã đặt**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Hủy đơn đã đặt |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Hủy” cạnh đơn đã đặt |
| ***Đầu vào*** | * Mã đơn hàng |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Mở phiên 2. Mở kết nối CSDL 3. Kiểm tra từ CSDL xem mã có khớp với đơn hàng nào không    1. Không có đơn hàng nào:       1. Chuyển hướng về trang chủ và thông báo lỗi 4. Cập nhật trạng thái đơn hàng thành đã hủy. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng quay lại và thông báo thành công * Sai: Điều hướng quay lại và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Thêm sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin, Super Admin |
| ***Mô tả*** | Thêm sản phẩm mới |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thêm sản phẩm” |
| ***Đầu vào*** | * Tên sản phẩm * Thương hiệu * Thể loại * Mô tả * Giá * Ảnh |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form thêm sản phẩm 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng về trang thêm sản phẩm và thông báo lỗi 3. Chuyển sang trang xử lý thêm sản phẩm 4. Kết nối CSDL 5. Kiểm tra tên sản phẩm có khớp với 1 sản phẩm nào không    1. Đúng:       1. Chuyển hướng về trang thêm sản phẩm và báo lỗi    2. Sai:       1. Thêm sản phẩm mới vào CSDL |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** | * Kiểm tra ô nhập không được để trống bằng JavaScript |

* **Sửa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin, Super Admin |
| ***Mô tả*** | Sửa sản phẩm |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Sửa” cạnh mỗi sản phẩm |
| ***Đầu vào*** | * Mã sản phẩm * Tên sản phẩm * Thương hiệu * Thể loại * Mô tả * Giá * Ảnh |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form sửa sản phẩm 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng quay về và thông báo lỗi 3. Chuyển sang trang xử lý cập nhật sản phẩm 4. Kết nối CSDL 5. Kiểm tra mã sản phẩm có khớp với 1 sản phẩm nào không    1. Đúng:       1. Cập nhật thông tin mới từ form cho sản phẩm có mã đó       2. Chuyển hướng quay lại trang chủ    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang cập nhật và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Xóa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin, Super Admin |
| ***Mô tả*** | Xóa sản phẩm |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Xóa” cạnh mỗi sản phẩm |
| ***Đầu vào*** | * Mã sản phẩm |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang trang xứ lý xóa sản phẩm 2. Kết nối CSDL 3. Kiểm tra mã sản phẩm truyền lên    1. Trống: Chuyển hướng quay lại và thông báo lỗi 4. Kiểm tra mã sản phẩm có khớp với 1 sản phẩm nào không    1. Đúng:       1. Xóa sản phẩm đó    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang chủ và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Thêm thương hiệu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Thêm thương hiệu mới |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thêm thương hiệu” |
| ***Đầu vào*** | * Tên * Địa chỉ |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form thêm thương hiệu 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng về trang thêm thương hiệu và thông báo lỗi 3. Chuyển sang trang xử lý thêm thương hiệu 4. Kết nối CSDL 5. Kiểm tra tên thương hiệu có khớp với 1 thương hiệu nào không    1. Đúng:       1. Chuyển hướng về trang thêm thương hiệu và báo lỗi    2. Sai:       1. Thêm thương hiệu mới vào CSDL |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Sửa thương hiệu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Sửa thương hiệu |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Sửa” cạnh mỗi thương hiệu |
| ***Đầu vào*** | * Mã thương hiệu * Tên thương hiệu * Địa chỉ |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form sửa thương hiệu 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng quay về và thông báo lỗi 3. Chuyển sang trang xử lý cập nhật thương hiệu 4. Kết nối CSDL 5. Kiểm tra mã thương hiệu có khớp với 1 thương hiệu nào không    1. Đúng:       1. Cập nhật thông tin mới từ form cho thương hiệu có mã đó       2. Chuyển hướng quay lại trang chủ    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang cập nhật và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Xóa thương hiệu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Xóa thương hiệu |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Xóa” cạnh mỗi thương hiệu |
| ***Đầu vào*** | * Mã thương hiệu |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang trang xứ lý xóa thương hiệu 2. Kết nối CSDL 3. Kiểm tra mã thương hiệu truyền lên    1. Trống: Chuyển hướng quay lại và thông báo lỗi 4. Kiểm tra mã thương hiệu có khớp với 1 thương hiệu nào không    1. Đúng:       1. Xóa thương hiệu đó    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang chủ và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Thêm thể loại**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Thêm thể loại mới |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thêm thể loại” |
| ***Đầu vào*** | * Tên thể loại |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form thêm thể loại 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng về trang thêm thể loại và thông báo lỗi 3. Chuyển sang trang xử lý thêm thể loại 4. Kết nối CSDL 5. Kiểm tra tên thể loại có khớp với 1 thể loại nào không    1. Đúng:       1. Chuyển hướng về trang thêm thể loại và báo lỗi    2. Sai:       1. Thêm thể loại mới vào CSDL |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Sửa thể loại**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Sửa thể loại |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Sửa” cạnh mỗi thể loại |
| ***Đầu vào*** | * Mã thể loại * Tên thể loại |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form sửa thể loại 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng quay về và thông báo lỗi 3. Chuyển sang trang xử lý cập nhật thể loại 4. Kết nối CSDL 5. Kiểm tra mã thể loại có khớp với 1 thể loại nào không    1. Đúng:       1. Cập nhật thông tin mới từ form cho thể loại có mã đó       2. Chuyển hướng quay lại trang chủ    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang cập nhật và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Xóa thể loại**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Xóa thể loại |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Xóa” cạnh mỗi thể loại |
| ***Đầu vào*** | * Mã thể loại |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang trang xứ lý xóa thể loại 2. Kết nối CSDL 3. Kiểm tra mã thể loại truyền lên    1. Trống: Chuyển hướng quay lại và thông báo lỗi 4. Kiểm tra mã thể loại có khớp với 1 thể loại nào không    1. Đúng:       1. Xóa thể loại đó    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang chủ và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Cập nhật đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin, Admin |
| ***Mô tả*** | Cập nhật đơn hàng có trạng thái chờ duyệt hoặc đã duyệt |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Duyệt” hoặc hủy cạnh mỗi đơn hàng |
| ***Đầu vào*** | * Mã đơn hàng * Trạng thái |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang trang xử lý cập nhật 2. Kết nối CSDL 3. Lấy thông tin truyền lên, kiểm tra không được để trống:    1. Trống: chuyển hướng quay về và thông báo lỗi 4. Kiểm tra mã, trạng thái có khớp với 1 đơn hàng nào không    1. Đúng:       1. Cập nhật trạng thái mới cho đơn hàng có mã đó       2. Chuyển hướng quay lại trang chủ    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang cập nhật và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Xóa khách hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Super Admin |
| ***Mô tả*** | Xóa khách hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Xóa” cạnh mỗi khách hàng |
| ***Đầu vào*** | * Mã khách hàng |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang trang xứ lý xóa khách hàng 2. Kết nối CSDL 3. Kiểm tra mã khách hàng truyền lên    1. Trống: Chuyển hướng quay lại và thông báo lỗi 4. Kiểm tra mã khách hàng có khớp với 1 khách hàng nào không    1. Đúng:       1. Xóa khách hàng đó    2. Sai:       1. Chuyển hướng quay lại trang chủ và báo lỗi |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Điều hướng về trang chủ và thông báo thành công * Sai: Điều hướng về trang chủ và thông báo thất bại |
| ***Lưu ý*** |  |

# Thiết kế hệ thống

## Sơ đồ quan hệ thực thể

A diagram of a company

Description automatically generated

## 4.2 Sơ đồ cơ sở dữ liệu

## Các bảng

|  |  |
| --- | --- |
| **admin** | |
| id | int(11) primary key auto\_increment |
| email | varchar(100) |
| name | varchar(100) |
| password | varchar(100) |
| level | int(11) |

|  |  |
| --- | --- |
| **customers** | |
| id | int(11) primary key auto\_increment |
| email | varchar(50) unique |
| name | varchar(50) |
| address | varchar(200) |
| phone | char(15) |
| password | varchar(20) |
| token | varchar(100) default null |

|  |  |
| --- | --- |
| **manufacturers** | |
| id | int(11) primary key auto\_increment |
| name | varchar(100) |
| address | varchar(100) |

|  |  |
| --- | --- |
| **category** | |
| id | int primary key auto\_increment |
| name | varchar(100) |

|  |  |
| --- | --- |
| **products** | |
| id | int(11) primary key auto\_increment |
| name | Varchar(100) |
| category\_id | int(11) foreign key category(id) |
| manufacturer\_id | int(11) foreign key manufacturers(id) |
| description | text |
| img | text |
| price | int(11) |

|  |  |
| --- | --- |
| **orders** | |
| id | int(11) primary key auto\_increment |
| customer\_id | int(11) foreign key customer(id) |
| receiver | varchar(100) |
| address\_rec | varchar(100) |
| phone\_rec | char(20) |
| time\_order | timestamp default CURRENT\_TIMESTAMP |
| total\_price | float |
| status | int(11) default 0 |

|  |  |
| --- | --- |
| **orders** | |
| order\_id | int(11) foreign key orders(id) ), primary key |
| product\_id | int(11) foreign key products(id), primary key |
| quantity | int(11) |

## Sơ đồ cơ sở dữ liệu giữa các bảng

A screenshot of a computer

Description automatically generated

## 4.3 Sơ đồ trang web

A diagram of a structure

Description automatically generated

A diagram of a home

Description automatically generated A diagram of a home

Description automatically generated

# Kết luận

Hoàn thành một website bán hàng cơ bản. Trong tương lai sẽ phát triển thêm các tính năng cũng như thêm đối tượng nhân viên khi làm ăn tiến triển tốt.

# Phân công công việc

Thời gian: 1 tháng